

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2022/HS-ST

Ngày: 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Hòa

Bà Trần Thị Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Châm - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2022/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ V, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1998 tại tỉnh Bình Thuận.

HKTT: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nơi ở hiện nay: thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn M, sinh năm 1956 (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955, trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; chồng: Nguyễn Đình C, sinh năm 1992; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: không.

Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà **Trần Thị Thảo T**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khu phố 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Bà **Tạ Thị Thùy L**, sinh năm 1971. Nơi cư trú: khu phố 2, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2021, Nguyễn Thị V và Trần Thị Thảo T làm chung tại vừa thanh long Hí T ở Km 12 huyện H. Thấy V có hoàn cảnh khó khăn nên T rủ V về ở cùng phòng trọ với T, nơi T đang thuê trọ tại khu phố 6, phường Đ, thành phố P.

Đến 15 giờ ngày 19/4/2021, thấy T không có ở phòng trọ, V nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của T bán tiêu xài cá nhân nên V mở tủ quần áo của T, thấy bên trong tủ có một chiếc bóp, V mở chiếc bóp ra, phát hiện có 01 chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng hình xương cá được gói trong một tờ giấy lịch, V lấy chiếc lắc tay bỏ vào túi áo của V, còn chiếc bóp V để lại vị trí cũ. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 20/4/2021, V đem chiếc lắc tay trộm được đến bán cho Tạ Thị Thùy L, chủ tiệm vàng Kim T ở khu phố 6, phường Đ, thành phố P. L đồng ý mua với giá 3.480.000 đồng và đưa tiền cho V.

Khoảng 08 giờ ngày 20/4/2021, bị mất tài sản T tìm kiếm, phát hiện chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng hình xương cá đang ở tiệm vàng Kim T nên đến Công an phường Đ trình báo sự việc. Cùng ngày, Công an phường Đ mời V và L đến trụ sở làm việc, tại đây V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền 3.480.000 đồng. L cũng đã giao nộp chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng hình xương cá.

Tại bản Kết luận giám định số 06/C09B ngày 22/12/2021 của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng, khối lượng 4,43863 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại vàng (Au) là 61,88%.

Tại Kết luận định giá số 15/KL-HĐĐG ngày 11/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P kết luận: 01 chiếc lắc tay hình xương cá có thành phần kim loại vàng (Au) 61,88%, trọng lượng 4,43863 gam, trị giá tài sản là 3.684.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị V khai sinh ngày 07/7/1993, có hộ khẩu thường trú tại xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Sau đó, Vân lại khai sinh ngày 27/7/1998, trú tại thôn B, xã B, huyện B, hiện ở tại thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trưng cầu giám định mẫu vân tay của Vân.

Tại Kết luận giám định số 490/KL-KTHS ngày 10/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận:

- 01 “Biên bản ghi lời khai” (gồm 02 tờ giấy A4) đề ngày 12/4/2022, có in các dấu vân ngón trỏ phải của Nguyễn Thị V (ký hiệu A).

- 01 chỉ bản vân tay lập ngày 20/4/2021 tại Công an thành phố P, mang tên Nguyễn Thị V, sinh ngày 07/7/1993, nơi cư trú: xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận (ký hiệu M1)

- 02 “Biên bản ghi lời khai” cùng đề ngày 20/4/2022, có in các dấu vân ngón trỏ phải của Nguyễn Thị V (ký hiệu M2, M3).

Kết luận: Vân tay in trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với vân tay in trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là vân tay của cùng một người.

Xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc lắc tay hình xương cá có thành phần kim loại vàng (Au) 61,88%, trọng lượng 4,43863 gam: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Trần Thị Thảo T, T nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Số tiền 3.480.000 đồng do Nguyễn Thị V giao nộp là tiền của Tạ Thị Thùy L dùng để mua chiếc lắc tay hình xương cá có thành phần kim loại vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho L.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKSPT ngày 05/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Thị V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Về biện pháp tư pháp: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xét.

Bị cáo Nguyễn Thị V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng; bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, theo hồ sơ đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong vụ án này có người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Bị cáo và Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt người bị hại và người làm chứng. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử giải quyết vụ án, mặt khác những người này đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai trước tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về căn cứ buộc tội đối với bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 15 giờ ngày 19/4/2022, bị cáo Nguyễn Thị V đã lén lút lấy trộm 01 chiếc lắc tay bằng kim loại màu vàng, hình xương cá có thành phần kim loại vàng (Au) 61,88%, trọng lượng 4,43863 gam của người bị hại Trần Thị Thảo T được cất trong tủ quần áo tại phòng trọ của T thuộc khu phố 6, phường Đ, thành phố P. Trị giá tài sản bị cáo V chiếm đoạt theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P là 3.684.000 đồng.

Xét thấy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị V là cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” thuộc trường hợp tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo theo khung hình phạt và điều luật như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thực hiện hành vi phạm tội vì lòng tham nhất thời, trình độ hiểu biết thấp và hoàn cảnh khó khăn; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại đã nhận lại tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, ngoài ra xét bị cáo V là phụ nữ đang nuôi 02 con nhỏ, trong đó 01 người con bị bệnh về thần kinh, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương quản lý, giám sát, giáo dục là đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống tuân theo pháp luật và phòng ngừa tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt nộp cho Tòa án bị hại Trần Thị Thảo T khai đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

Số tiền 3.480.000 đồng do Nguyễn Thị V giao nộp là tiền của Tạ Thị Thùy L dùng để mua chiếc lắc tay hình xương cá có thành phần kim loại vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho L là đúng pháp luật.

[6] Đối với Tạ Thị Thùy L có hành vi mua tài sản của bị cáo V, nhưng L không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, đã tự nguyện giao nộp lại tài sản nên hành vi của L không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị V** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Nguyễn Thị V 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng được tính kể từ ngày Tòa tuyên án (30/8/2022).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo của bị cáo có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/8/2022). Quyền kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố P;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an thành phố P;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c cư trú;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu: hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ

